

Số: 01/2025/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 29 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%)
đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp
trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc, tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, phân bổ, chấp hành dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước.

Điều 3. Phân cấp nguồn thu của ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp

1. Các khoản thu các cấp ngân sách địa phương được hưởng 100% (ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã) phân định theo 03 địa bàn tỉnh, thành phố trước sắp xếp bao gồm: thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang, tỉnh Sóc Trăng được quy định tại Phụ lục I đến Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp (ngân sách cấp thành phố với ngân sách cấp xã) phân định theo 03 địa bàn tỉnh, thành phố trước sắp xếp bao gồm: thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang, tỉnh Sóc Trăng được quy định tại Phụ lục IV đến Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Phân cấp nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

Phân cấp nhiệm vụ chi của ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã chi tiết theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2025.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2023 đến năm 2025.

b) Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2025.

c) Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung mục 2.2 khoản 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang.

d) Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách của các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định 2022 - 2025.

đ) Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 6 của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách của các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định 2022 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ Khóa X, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 29 tháng 8 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPHC);
- Bộ Tài chính;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBNDTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Trung tâm điều hành đô thị thông minh;
- Công báo, TT LTLS thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT, HV.

CHỦ TỊCH



Đồng Văn Thanh



Phụ lục I

DANH MỤC CÁC KHOẢN THU CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG 100%
(Địa bàn thành phố Cần Thơ trước sắp xếp)

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Số thứ tự	Các khoản thu	Cấp ngân sách		Ghi chú
		Thành phố	Xã	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
1	Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp và tiêu thụ đặc biệt kể cả tiền chậm nộp (trừ các khoản thu từ hàng hóa nhập khẩu) thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước, thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	x		
2	Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp và tiêu thụ đặc biệt kể cả tiền chậm nộp (trừ các khoản thu từ hàng hóa nhập khẩu) thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do cơ quan thuế cấp thành phố quản lý thu	x		
3	Thuế thu nhập cá nhân (kể cả tiền chậm nộp) do cơ quan thuế cấp thành phố quản lý thu	x		
4	Thuế tài nguyên (kể cả tiền chậm nộp), không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí	x		
5	Thuế bảo vệ môi trường kể cả tiền chậm nộp (phần ngân sách địa phương được hưởng)	x		
6	Thu tiền sử dụng đất, không kể tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Trung ương quản lý (phần ngân sách địa phương được hưởng)	x		
7	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước, không kể tiền thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí	x		
8	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	x		
9	Lệ phí môn bài của đối tượng do cơ quan thuế cấp thành phố quản lý thu	x		
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán (kể cả tiền chậm nộp)	x		
11	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế theo quy định; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu	x		

Số thứ tự	Các khoản thu	Cấp ngân sách		Ghi chú
		Thành phố	Xã	
12	Thu từ bán tài sản nhà nước (trừ tài sản là nhà, đất), do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý (điều tiết theo phân cấp quản lý)	X	X	
13	Thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý	X		
14	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương	X	X	
15	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.	X	X	
16	Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu (trừ lệ phí trước bạ).	X	X	
17	Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật bao gồm tiền chậm nộp	X		
18	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện theo phân cấp quản lý	X	X	
19	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật (cấp nào xử lý cấp đó hưởng)	X	X	
20	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.	X		
21	Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.	X	X	
22	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.	X		
23	Các khoản thu khác và tiền chậm nộp phần ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu theo quy định của pháp luật	X	X	
24	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương	X		
25	Thu kết dư ngân sách địa phương	X	X	
26	Thu tiền vay cho đầu tư theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 7 của Luật Ngân sách nhà nước	X		

Số thứ tự	Các khoản thu	Cấp ngân sách		Ghi chú
		Thành phố	Xã	
27	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	x	x	
28	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	x	x	
29	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	x		

* **Ghi chú:** Ô có dấu "x" là phân cấp nguồn thu được hưởng, ô trống là không phân cấp.



Phụ lục II

DANH MỤC CÁC KHOẢN THU CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG 100%
(Địa bàn tỉnh Hậu Giang trước sắp xếp)

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Số thứ tự	Các khoản thu	Cấp ngân sách		Ghi chú
		Thành phố	Xã	
a	b	1	2	3
1	Thuế: giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tiêu thụ đặc biệt thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước và thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	x		
2	Thuế tài nguyên, không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí	x		
3	Thuế thu nhập cá nhân	x		
4	Thuế bảo vệ môi trường phần ngân sách địa phương được hưởng	x		
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		x	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		x	
7	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước, không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí.	x		
8	Thu tiền sử dụng đất (phần ngân sách địa phương được hưởng)	x		
9	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo phân cấp quản lý	x	x	
10	Lệ phí môn bài thu từ tổ chức	x		
11	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		x	
12	Lệ phí trước bạ (trừ lệ phí trước bạ nhà đất)	x		
13	Lệ phí trước bạ nhà đất		x	
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán	x		
15	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế theo quy định; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đại diện chủ sở hữu	x		
16	Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý (điều tiết theo phân cấp quản lý)	x	x	

Số thứ tự	Các khoản thu	Cấp ngân sách		Ghi chú
		Thành phố	Xã	
17	Thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý.	x		
18	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương theo phân cấp quản lý	x	x	
19	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoản chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập địa phương và doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.	x	x	
20	Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu theo phân cấp quản lý	x	x	
21	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu (theo thẩm quyền được giao từ quyết định của chính quyền từng cấp)	x	x	
22	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật (điều tiết theo phân cấp quản lý)	x	x	
23	Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước phân ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.	x		
24	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.		x	
25	Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	x	x	
26	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	x		
27	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp phát sinh từ các khoản thu thu theo phân cấp quản lý; thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai)	x	x	
28	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương	x		
29	Thu kết dư ngân sách địa phương	x	x	
30	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	x	x	
31	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	x		
32	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	x	x	

* **Ghi chú:** Ô có dấu "x" là phân cấp nguồn thu được hưởng, ô trống là không phân cấp.



Phụ lục III

DANH MỤC CÁC KHOẢN THU CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG 100%
(Địa bàn tỉnh Sóc Trăng trước sắp xếp)

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Số thứ tư	Các khoản thu	Cấp ngân sách		Ghi chú
		Thành phố	Xã	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
1	Thuế giá trị gia tăng (trừ các khoản thu từ hàng hóa nhập khẩu) thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước, thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đối với tổ chức	x		
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ các khoản thu từ hàng hóa nhập khẩu) thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước, thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	x		
3	Thuế thu nhập cá nhân do cơ quan thuế cấp tỉnh quản lý thu	x		
4	Thuế tài nguyên, không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí.	x		
5	Thuế bảo vệ môi trường phân ngân sách địa phương được hưởng	x		
6	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	x		
7	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.	x		
8	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân các tỉnh đại diện chủ sở hữu	x		
9	Thu từ bán tài sản nhà nước (trừ tài sản là nhà, đất), do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý (điều tiết theo phân cấp quản lý)	x	x	
10	Thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý	x		
11	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương.	x	x	

Số thứ tự	Các khoản thu	Cấp ngân sách		Ghi chú
		Thành phố	Xã	
12	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập địa phương và doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện, sau khi trừ phân được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật	x	x	
13	Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu (trừ lệ phí trước bạ nhà, đất và lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh)	x	x	
14	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, điều tiết theo phân cấp quản lý	x	x	
15	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.	x	x	
16	Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước phân ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật	x		
17	Tiền sử dụng khu vực biển đối với khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương	x		
18	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	x	x	
19	Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	x	x	
20	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương	x		
21	Thu kết dư ngân sách địa phương	x	x	
22	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	x	x	
23	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	x		
24	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	x	x	
25	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	x		
26	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp phát sinh từ các khoản thu theo phân cấp quản lý và từ các khoản thu phân ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu theo quy định của pháp luật)	x	x	

* **Ghi chú:** Ô có dấu "x" là phân cấp nguồn thu được hưởng, ô trống là không phân cấp.



Phụ lục IV
PHỤ LỤC CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP
(Địa bàn thành phố Cần Thơ trước sắp xếp)

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	Tên xã, phường	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do cơ quan thuế cấp xã quản lý thu (trừ hàng hóa nhập khẩu)				Thuế thu nhập cá nhân (kể cả tiền chậm nộp thuế) do cơ quan thuế cấp xã quản lý thu				Thuế sử dụng đất nông nghiệp				Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				Lệ phí trước bạ				Lệ phí môn bài của đối tượng do cơ quan thuế cấp xã quản lý thu
		Thuế giá trị gia tăng (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế thu nhập doanh nghiệp (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế tiêu thụ đặc biệt (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã			
		Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã															
1	Phường Ninh Kiều	90%	10%	90%	10%	90%	10%	80%	20%	100%	0%	95%	5%	100%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	
2	Phường Cái Khế	90%	10%	90%	10%	90%	10%	70%	30%	100%	0%	95%	5%	100%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	
3	Phường Tân An	90%	10%	90%	10%	90%	10%	70%	30%	100%	0%	95%	5%	100%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	
4	Phường An Bình	90%	10%	90%	10%	90%	10%	15%	85%	100%	0%	95%	5%	100%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	
5	Phường Thới An Đông	15%	85%	100%	0%	15%	85%	15%	85%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	
6	Phường Bình Thủy	65%	35%	100%	0%	70%	30%	15%	85%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	
7	Phường Long Tuyền	15%	85%	100%	0%	15%	85%	70%	30%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	
8	Phường Cái Răng	65%	35%	65%	35%	100%	0%	60%	40%	100%	0%	30%	70%	100%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	
9	Phường Hưng Phú	65%	35%	65%	35%	100%	0%	60%	40%	100%	0%	30%	70%	100%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	
10	Phường Ô Môn	50%	50%	50%	50%	50%	50%	100%	0%	100%	0%	35%	65%	100%	0%	35%	65%	100%	0%	0%	100%	
11	Phường Phước Thới	50%	50%	50%	50%	50%	50%	100%	0%	100%	0%	35%	65%	100%	0%	35%	65%	100%	0%	0%	100%	
12	Phường Thới Long	50%	50%	50%	50%	50%	50%	100%	0%	100%	0%	35%	65%	100%	0%	35%	65%	100%	0%	0%	100%	
13	Phường Trung Nhứt	15%	85%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	
14	Phường Thốt Nốt	15%	85%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	10%	90%	

STT	Tên xã, phường	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do cơ quan thuế cấp xã quản lý thu (trừ hàng hóa nhập khẩu)						Thuế thu nhập cá nhân (kể cả tiền chậm nộp thuế) do cơ quan thuế cấp xã quản lý thu		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Lệ phí trước bạ		Lệ phí môn bài của đối tượng do cơ quan thuế cấp xã quản lý thu	
		Thuế giá trị gia tăng (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế thu nhập doanh nghiệp (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế tiêu thụ đặc biệt (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã
		Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã										
15	Phường Thuận Hưng	15%	85%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	10%	90%
16	Phường Tân Lộc	15%	85%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	10%	90%
17	Xã Phong Điền	40%	60%	40%	60%	40%	60%	40%	60%	100%	0%	100%	60%	100%	0%	0%	100%
18	Xã Nhơn Ái	40%	60%	40%	60%	40%	60%	40%	60%	100%	0%	100%	60%	100%	0%	0%	100%
19	Xã Trường Long	40%	60%	40%	60%	40%	60%	40%	60%	100%	0%	100%	60%	100%	0%	0%	100%
20	Xã Thới Lai	40%	60%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	100%	0%	0%	100%
21	Xã Đông Thuận	40%	60%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	100%	0%	0%	100%
22	Xã Trường Xuân	40%	60%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	100%	0%	0%	100%
23	Xã Trường Thành	40%	60%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	100%	0%	0%	100%
24	Xã Cờ Đỏ	20%	80%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	100%	0%	0%	100%
25	Xã Đông Hiệp	20%	80%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	100%	0%	0%	100%
26	Xã Thạnh Phú	20%	80%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	100%	0%	0%	100%
27	Xã Thới Hưng	20%	80%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	100%	0%	0%	100%
28	Xã Trung Hưng	20%	80%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	100%	0%	0%	100%
29	Xã Vĩnh Thạnh	30%	70%	30%	70%	65%	35%	65%	35%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	30%	70%
30	Xã Vĩnh Trinh	30%	70%	30%	70%	65%	35%	65%	35%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	30%	70%
31	Xã Thạnh An	30%	70%	30%	70%	65%	35%	65%	35%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	30%	70%
32	Xã Thạnh Quới	30%	70%	30%	70%	65%	35%	65%	35%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	30%	70%

Phụ lục V

**DANH MỤC CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%)
GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP**

(Địa bàn tỉnh Hậu Giang trước sắp xếp)



*Kiểm theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HDND ngày 29 tháng 8 năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ*

STT	Tên xã, phường	Thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh				Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	
		Đối với thu từ tổ chức		Đối với thu từ hộ gia đình, cá nhân		Cấp Thành phố	Cấp Xã
		Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã		
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1	Phường Vị Thanh	100%	0%	90%	10%	100%	0%
2	Phường Vị Tân	100%	0%	0%	100%	100%	0%
3	Phường Đại Thành	100%	0%	0%	100%	100%	0%
4	Phường Ngã Bảy	100%	0%	90%	10%	100%	0%
5	Phường Long Bình	100%	0%	0%	100%	100%	0%
6	Phường Long Mỹ	100%	0%	90%	10%	100%	0%
7	Phường Long Phú 1	100%	0%	0%	100%	100%	0%
8	Xã Hòa Lưu	100%	0%	0%	100%	100%	0%
9	Xã Thạnh Xuân	100%	0%	0%	100%	100%	0%
10	Xã Tân Hòa	100%	0%	0%	100%	100%	0%
11	Xã Trường Long Tây	100%	0%	0%	100%	100%	0%
12	Xã Châu Thành	100%	0%	0%	100%	100%	0%
13	xã Đông Phước	100%	0%	0%	100%	100%	0%
14	Xã Phú Hữu	100%	0%	0%	100%	100%	0%
15	Xã Tân Bình	100%	0%	0%	100%	100%	0%
16	Xã Hòa An	100%	0%	0%	100%	100%	0%
17	Xã Phương Bình	100%	0%	0%	100%	100%	0%
18	Xã Tân Phước Hưng	100%	0%	0%	100%	100%	0%
19	Xã Hiệp Hưng	100%	0%	0%	100%	100%	0%
20	Xã Phụng Hiệp	100%	0%	0%	100%	100%	0%

STT	Tên xã, phường	Thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh				Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	
		Đối với thu từ tổ chức		Đối với thu từ hộ gia đình, cá nhân			
		Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã
21	Xã Thạnh Hòa	100%	0%	0%	100%	100%	0%
22	Xã Vị Thủy	100%	0%	0%	100%	100%	0%
23	Xã Vĩnh Thuận Đông	100%	0%	0%	100%	100%	0%
24	Xã Vị Thanh 1	100%	0%	0%	100%	100%	0%
25	Xã Vĩnh Tường	100%	0%	0%	100%	100%	0%
26	Xã Vĩnh Viễn	100%	0%	0%	100%	100%	0%
27	Xã Xà Phiên	100%	0%	0%	100%	100%	0%
28	Xã Lương Tâm	100%	0%	0%	100%	100%	0%



Phụ lục VI

CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP
(Địa bàn tỉnh Sóc Trăng trước sắp xếp)

Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ

STT	Tên xã, phường	Thuế giá trị gia tăng từ hộ gia đình, cá nhân kinh doanh		Thuế thu nhập doanh nghiệp		Lệ phí trước bạ		Thuế thu nhập cá nhân		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Thu tiền sử dụng đất		Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước		Lệ phí trước bạ nhà, đất		Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	
		Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã
1	Phường Phú Lợi	5%	95%	100%	0%	100%	0%	10%	90%	30%	70%	0%	100%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
2	Phường Sóc Trăng	0%	100%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%	0%	100%	100%	0%	30%	70%	0%	100%	0%	100%
3	Phường Mỹ Xuyên	0%	100%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%	0%	100%	40%	60%	30%	70%	0%	100%	0%	100%
4	Xã Hòa Tú	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	0%	100%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
5	Xã Gia Hòa	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	0%	100%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
6	Xã Nhu Gia	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	0%	100%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
7	Xã Ngọc Tố	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	0%	100%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
8	Xã Trường Khánh	30%	70%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
9	Xã Đại Ngãi	30%	70%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
10	Xã Tân Thạnh	30%	70%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
11	Xã Long Phú	30%	70%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
12	Xã Nhơn Mỹ	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
13	Xã Phong Năm	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
14	Xã An Lạc Thôn	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
15	Xã Kế Sách	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%

STT	Tên xã, phường	Thuế giá trị gia tăng từ hộ gia đình, cá nhân kinh doanh		Thuế thu nhập doanh nghiệp		Lệ phí trước bạ		Thuế thu nhập cá nhân		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Thu tiền sử dụng đất		Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước		Lệ phí trước bạ nhà, đất		Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	
		Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã
16	Xã Thới An Hội	0%	100%	0%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
17	Xã Đại Hải	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
18	Xã Phú Tâm	50%	50%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
19	Xã An Ninh	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
20	Xã Thuận Hòa	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
21	Xã Hồ Dắc Kiên	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
22	Xã Mỹ Tú	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
23	Xã Long Hưng	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
24	Xã Mỹ Phước	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
25	Xã Mỹ Hương	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
26	Phường Vĩnh Phước	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	0%	100%
27	Xã Vĩnh Hải	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	0%	100%
28	Xã Lai Hòa	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	0%	100%
29	Phường Vĩnh Châu	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	0%	100%
30	Phường Khánh Hòa	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	70%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	0%	100%
31	Phường Ngã Năm	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%
32	Phường Mỹ Quới	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%
33	Xã Tân Long	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	100%	0%	100%	0%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
34	Xã Phú Lộc	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	100%	0%	100%	0%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
35	Xã Vĩnh Lợi	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	100%	0%	100%	0%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%

STT	Tên xã, phường	Thuế giá trị gia tăng từ hộ gia đình, cá nhân kinh doanh		Thuế thu nhập doanh nghiệp		Lệ phí trước bạ		Thuế thu nhập cá nhân		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Thu tiền sử dụng đất		Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước		Lệ phí trước bạ nhà, đất		Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	
		Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã
36	Xã Lâm Tân	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	0%	100%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
37	Xã Thanh Thới An	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	0%	100%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
38	Xã Tân Văn	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	0%	100%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
39	Xã Liên Phú	0%	100%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	0%	100%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
40	Xã Lịch Hội Thượng	30%	70%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	0%	100%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
41	Xã Trần Đề	30%	70%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	100%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
42	Xã An Thạnh	30%	70%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	100%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%
43	Xã Cù Lao Dung	30%	70%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	30%	70%	30%	100%	40%	60%	30%	70%	30%	70%	30%	70%

Ghi chú:

- Thu tiền sử dụng đất (phần ngân sách địa phương được hưởng), không kể thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý theo quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách Nhà nước. Riêng đối với 02 khoản thu được phân chia như sau:
 - Nguồn thu được từ đầu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất do xã quản lý (sau khi đã trừ chi phí), được để lại 100% cho ngân sách xã để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;
 - Khoản nộp bằng tiền tương đương 20% giá trị quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội đối với các dự án phát triển nhà ở thương mại, dự án đầu tư phát triển đô thị, dự án thuộc cấp nào quản lý thì ngân sách cấp đó hưởng 100% số tiền thu được nộp vào ngân sách nhà nước.
- Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất còn lại:
 - Nếu cấp thành phố trực tiếp thu thì ngân sách cấp thành phố được phân chia là 100%.
 - Nếu phân cấp cho cấp xã trực tiếp thu, thì phân chia theo tỷ lệ phía trên.
- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước
 - Nếu cấp thành phố trực tiếp thu thì ngân sách cấp thành phố được phân chia là 100%.
 - Nếu phân cấp cho cấp xã trực tiếp thu, thì phân chia theo tỷ lệ phía trên.
- Khoản thu 01% doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng đối với khối lượng hoàn thành của các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) trên địa bàn được phân chia theo tỷ lệ như sau:
 - Đối với các dự án, công trình do trung ương làm chủ đầu tư (bao gồm các dự án, công trình trọng điểm quốc gia) và trọng điểm của thành phố thì điều tiết 100% cho ngân sách cấp thành phố.
 - Đối với các dự án, công trình thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thành phố và do thành phố làm chủ đầu tư thì điều tiết 100% cho ngân sách cấp thành phố.

STT	Tên xã, phường	Thuế giá trị gia tăng từ hộ gia đình, cá nhân kinh doanh		Thuế thu nhập doanh nghiệp		Lệ phí trước bạ		Thuế thu nhập cá nhân		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Thu tiền sử dụng đất		Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước		Lệ phí trước bạ nhà, đất		Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	
		Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã

- Đối với các dự án, công trình thuộc nguồn vốn ngân sách cấp xã (bao gồm các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên) và cấp xã làm chủ đầu tư thì điều tiết cho ngân sách cấp xã hưởng 100%.

Phụ lục VII



PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (Kèm theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

I. NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp thành phố quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ; đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách cấp thành phố bảo đảm theo quy định;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Chi công tác phòng bệnh, công tác chữa bệnh (kể cả các Trung tâm y tế khu vực); công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe cán bộ; chi cho công tác điều dưỡng và phục hồi chức năng và các hoạt động y tế khác thuộc cấp thành phố quản lý; kinh phí thực hiện nhiệm vụ dân số; kinh phí mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng theo quy định; các nhiệm vụ y tế khác do thành phố quản lý; công tác gia đình;

đ) Sự nghiệp văn hóa, thông tin (bao gồm cả chi cho ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, hướng đến chính phủ số, chính quyền số); phát thanh truyền hình; thể dục, thể thao do các cơ quan cấp thành phố quản lý;

e) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

g) Các hoạt động kinh tế do các cơ quan cấp thành phố quản lý gồm:

- Sự nghiệp giao thông, bao gồm hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông đường bộ, đường thủy nội địa và hoạt động giao thông khác;

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm hoạt động phát triển nông, lâm, thủy sản, thủy lợi; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác;

- Sự nghiệp tài nguyên, bao gồm hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; đo đạc và bản đồ, đo đạc địa giới hành chính; lưu trữ hồ sơ địa chính và hoạt động quản lý tài nguyên khác;

- Sự nghiệp kiến thiết thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;

- Lĩnh vực quy hoạch;

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

h) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc, hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật;

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước;

- Chi hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp xã;

- Chi hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc;

- Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật.

i) Đảm bảo xã hội do cấp thành phố quản lý gồm: chi hoạt động các trại xã hội, cứu tế xã hội, trại mồ côi, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp thành phố bảo đảm theo quy định của pháp luật;

k) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ gốc, lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ khoản tiền vay cho đầu tư theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều 7 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính.

5. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp thành phố từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

7. Chi chương trình mục tiêu quốc gia do Chính phủ giao cho địa phương quản lý.

II. NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ

1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Thực hiện theo quy định hiện hành về phân cấp quyết định đầu tư.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo;

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ; đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

c) Sự nghiệp văn hóa thông tin; phát thanh; thể dục, thể thao;

d) Chi quốc phòng - an ninh:

- Huấn luyện dân quân tự vệ;

- Đăng ký nghĩa vụ quân sự, đưa thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự;

- Giáo dục, tuyên truyền phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

- Hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

- Chi hỗ trợ cho lực lượng Dân quân tự vệ theo quy định của Luật Dân quân tự vệ.

d) Sự nghiệp y tế: Kinh phí hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo, học sinh, sinh viên, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp có mức sống trung bình và các đối tượng khác theo phân cấp; thực hiện các nhiệm vụ y tế khác do xã, phường quản lý; công tác dân số và gia đình;

e) Sự nghiệp kinh tế gồm:

- Sự nghiệp giao thông;

- Sự nghiệp nông nghiệp;

- Sự nghiệp thủy lợi;

- Sự nghiệp kiến thiết thị chính;

- Sự nghiệp kinh tế khác.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

i) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc, hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật gồm:

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước;

- Chi hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp xã;

- Chi hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc;

- Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật.

k) Chi đảm bảo xã hội;

l) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chương trình mục tiêu quốc gia do cấp trên giao.

4. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước sang năm sau./.